

Bản án số: 50/2018/DS-ST

Ngày: 5/10/2018

V/v tranh chấp hợp đồng góp hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Viết Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xươngne.
2. Ông Huỳnh Khởi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Tư, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Bà Đặng Xuân Mai, Kiểm sát viên.

Trong ngày 5/10/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 144/2018/TLST-DS, ngày 31 tháng 7 năm 2018, về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2018/QĐXXST-DS ngày 19/9/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông **Nguyễn Văn N** sinh năm 1959

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn N: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1967, theo Giấy ủy quyền ngày 11/7/2018.

1.2. Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1967

Cùng địa chỉ: 69/1 ấp L xã F, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1959.

2.2. Bà **Đặng Thị T**, sinh năm 1964.

Cùng địa chỉ: Số 1294/1 ấp X xã F, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 10/7/2018, các nguyên đơn ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị L trình bày: Trước đây vợ chồng ông bà có làm chủ hui, vợ chồng bà Đặng Thị T, ông Nguyễn Văn Đ có tham gia hai dây hui, cụ thể như sau:

1/ Dây hụi mùa (4 tháng khui một lần) 2.000.000 đồng, khui ngày 10/3/2010 âm lịch, hụi có 20 phần (chân), vợ chồng bà T tham gia 01 phần, đóng hụi sống được 9 lần thì ra lời 1.500.000 đồng và hốt được 22.200.000 đồng, hụi mãn vào ngày 10/3/2016 âm lịch.

2/ Dây hụi mùa (4 tháng khui một lần) 3.000.000 đồng, khui ngày 20/11/2011 âm lịch, hụi có 14 phần, vợ chồng bà T tham gia 01 phần, đóng hụi sống được 2 lần thì ra lời 1.500.000 đồng và hốt được số tiền 22.000.000 đồng, hụi mãn vào ngày 20/3/2016 âm lịch.

Sau khi hốt xong, vợ chồng bà T đóng hụi chết không đầy đủ nên ông, bà phải đóng thay cho vợ chồng bà T với số tiền 24.500.000 đồng. Vợ chồng bà T không trả nên ông, bà làm đơn yêu cầu Ban nhân dân ấp giải quyết. Khi hòa giải tại địa phương vào ngày 11/4/2018 thì bà T thừa nhận còn nợ ông, bà số tiền này nhưng xin trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, ông, bà không đồng ý.

Nay ông, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đặng Thị T, ông Nguyễn Văn Đ trả cho ông, bà số tiền còn nợ là 24.500.000 đồng và tính lãi suất theo quy định pháp luật.

*** Bị đơn bà Đặng Thị T và ông Nguyễn Văn Đ trình bày:** Ông, bà thừa nhận trước đây ông, bà có chơi hụi do vợ chồng ông N, bà L làm chủ và hiện nay còn thiếu vợ chồng ông N 24.500.000 đồng. Hiện nay hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn nên ông, bà xin trả mỗi vụ lúa 1.500.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, ông yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Tại phiên tòa, các đương sự và đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt ông Đ. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ.

[3] Về nội dung vụ án: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa, thì vào năm 2010 và năm 2011 vợ chồng bà Đặng Thị T, ông Nguyễn Văn Đ có chơi hụi do vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn N làm chủ. Vợ chồng bà T tham gia hai dây hụi mùa (bốn tháng khui một lần), mỗi dây chơi một chân, gồm một dây 2.000.000 đồng, khui ngày 10/3/2010 âm lịch, có 20 phần, vợ chồng bà T đóng hụi sống được 9 lần thì hốt được số tiền 22.200.000 đồng và dây hụi 3.000.000 đồng, khui ngày 20/11/2011 âm lịch, có 14 phần, vợ chồng bà T đóng hụi sống được 2 lần thì hốt được số tiền 22.000.000 đồng, cả hai dây hụi mãn vào năm 2016. Sau khi hốt hụi vợ chồng bà T đóng hụi chết không đầy đủ nên vợ chồng bà L đóng thay với số tiền là 24.500.000 đồng. Nay vợ chồng bà L yêu cầu vợ chồng bà T hoàn trả số tiền này, tính lãi trong giai đoạn thi hành án. Tại buổi hòa

giải của Ban nhân dân ấp X xã F, ngày 11/4/2018, các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa (bà T) thì vợ chồng bà T, ông Đ thừa nhận số nợ trên nhưng xin trả dài hạn.

[4] Khi tham gia giao dịch các bên đều có năng lực hành vi, tự nguyện giao kết, thỏa thuận với nhau, giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Hình thức chơi hụi giữa các bên là hụi hưởng hoa hồng, được quy định tại Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005, nay là Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 4, Điều 24 Nghị định số 144/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ.

[5] Trong quá trình chơi hụi, vợ chồng bà T là người có lỗi, vì ông, bà không thực hiện đúng nghĩa vụ của hụi viên, đã hốt hụi nhưng không đóng đầy đủ hụi chết cho chủ hụi nên vợ chồng bà L phải đóng hụi chết thay cho ông, bà. Các bên thống nhất cho đến nay thì vợ chồng bà T còn thiếu tiền vốn của vợ chồng bà L là 24.500.000 đồng. Vì vậy, vợ chồng bà L khởi kiện vợ chồng bà T yêu cầu trả số tiền nêu trên và tính lãi trong giai đoạn thi hành án là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 471, Điều 280, Điều 351, Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 4, Điều 24, Điều 30 và Điều 31 Nghị định số 144/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ.

[6] Tại phiên tòa bà T xin trả mỗi vụ là 2.000.000 đồng, các nguyên đơn không đồng ý. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu xin trả dài hạn của các bị đơn. Vấn đề này sẽ được xem xét trong giai đoạn thi hành án.

[7] Về án phí: Bà T và ông Đ không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí nên ông, bà phải chịu án phí là 1.225.000 đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[8] Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, việc xác định đương sự và quan hệ pháp luật đang tranh chấp là chính xác, tại phiên tòa HĐXX đúng thành phần, các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, Điều 280, Điều 351, Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 4, Điều 24, Điều 30 và Điều 31 Nghị định số 144/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu bà Đặng Thị T, ông Nguyễn Văn Đ trả tiền nợ hui.

2/ Buộc bà Đặng Thị T, ông Nguyễn Văn Đ có trách nhiệm trả tiền nợ hui cho ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị L là 24.500.000 đồng (Hai mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông N, bà L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà T, ông Đ chưa thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng bà T, ông Đ còn phải trả lãi cho ông N, bà L đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3/ Về án phí: Bà Đặng Thị T, ông Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí là 1.225.000 đồng (Một triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Các nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị L 612.500 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004136 ngày 30/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành bản án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện KS;
- Chi cục THADS huyện KS;
- TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Thạch Viết Tâm